

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**
Số: 40/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 29-6-2023
V/v T/c hôn nhân và gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Thọ.

Ông Vũ Thành Dũng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Lan A, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 5 xã V, huyện H, tỉnh Phú thọ

Bị đơn: Anh Đỗ Anh T (Nguyễn Văn T), sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu 5 xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ

(Anh T hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 17 phân trại số 3 Trại giam Vĩnh Quang – Địa chỉ: Xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc , có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Trần Thị Lan A: Bà Bùi Thị Thanh N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú thọ (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị Lan A trình bày:

Tôi kết hôn với anh Đỗ Anh T (tức Nguyễn Văn T) vào ngày 10/02/2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T và cùng làm ruộng . Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do anh T thường uống rượu về chửi và đánh tôi. Anh T nhiều lần phạm tội và phải đi chấp hành án phạt tù. Hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Vĩnh Quang đóng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi xin được ly hôn với anh Tuấn.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 01/02/2004, hiện cháu đã thành niên, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Đỗ Thị Hồng V, sinh ngày 20/10/2005 và cháu Đỗ Tuấn T, sinh ngày 5/3/2013, hiện các cháu đang ở với tôi. Ly hôn tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản cho vay và công sức đóng góp: Tôi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2023, anh Đỗ Anh T trình bày: Tôi kết hôn với chị Trần Thị Lan A vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng cùng làm ruộng tại địa phương. Tôi công nhận trong thời gian chung sống do tôi nhiều lần phạm tội và phải đi chấp hành án nhiều năm nên không có sự quan tâm, chăm sóc cho gia đình, vợ con. Đến nay chị Lan A xin ly hôn, xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Đỗ Thị Thùy D, sinh năm 2004, cháu Đỗ Thị Hồng V, sinh ngày 20/10/2005 và Đỗ Tuấn T, sinh ngày 5/3/2013. Ly hôn, cháu D đã thành niên, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do tôi không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và T, tôi nhất trí để chị L Anh sẽ nuôi dưỡng các cháu và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lan A không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản cho vay và công sức đóng góp: Tôi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lan A đề nghị HĐXX căn cứ vào tình trạng hôn nhân của chị Lan A và anh T quyết định cho chị Lan A được ly hôn. Giao hai con chưa thành niên là cháu V và cháu T cho chị Lan

A trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Quan hệ về tài sản không đặt ra để giải quyết. Chị Lan A thuộc diện hộ nghèo, đề nghị HĐXX miễn án phí LHST cho chị Lan A.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Bị đơn không có mặt tại Tòa án để làm việc là do điều kiện khách quan. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định. Đề nghị HĐXX xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn cho chị Trần Thị Lan A và anh Đỗ Anh T (Nguyễn Văn T).

Về con chung: Xử giao chị Lan A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Hồng V, sinh ngày 20/10/2005 và cháu Đỗ Tuấn T, sinh ngày 5/3/2013 kể từ tháng 7/2023 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lan A không yêu cầu. Các bên đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Chị Lan A và anh T không yêu cầu giải quyết, không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản cho vay, công sức đóng góp: chị Lan A và anh T xác định không có và không yêu cầu, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí LHST: Chị Lan A và anh T mỗi người phải chịu 75.000đ. Tuy nhiên các đương sự thuộc diện hộ nghèo, căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị miễn toàn bộ án phí cho chị Lan A và anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập các bên đương sự đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xong chị Lan A có mặt, anh T vắng mặt do đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Vĩnh Quang. Anh T có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 – BLTTDS, TAND huyện Hạ Hòa đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lan A và anh Đỗ Anh T (Nguyễn Văn T) kết hôn ngày 01/02/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Hạ Hòa theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Do anh T nhiều lần vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù nên không có sự quan tâm, chăm sóc cho gia đình.

Hiện anh T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Vĩnh Quang đóng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Lan A xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn, anh T cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy chị Lan A và anh T tự nguyện thuận tình ly hôn, phù hợp với quy định tại điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần công nhận.

[3] Về con chung: Chị Lan A và anh T xác định có ba con chung là cháu Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 01/02/2004, hiện cháu đã thành niên. Chị Lan A và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đặt ra để giải quyết. Cháu Đỗ Thị Hồng V, sinh ngày 20/10/2005 và cháu Đỗ Tuấn T, sinh ngày 5/3/2013. Hiện hai cháu đang ở với chị Lan A. Ly hôn, chị Lan A xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của anh T cũng nhất trí chị Lan A sẽ trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu V và T, anh không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lan A không yêu cầu. Do vậy, sau ly hôn cần giao chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Hồng V và cháu Đỗ Tuấn T kể từ tháng 7/2023 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lan A không yêu cầu là phù hợp. Các bên đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị Lan A và anh T không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản cho vay, công sức đóng góp: chị Lan A và anh T xác định không có và không yêu cầu, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí LHST: Chị Lan A và anh T mỗi người phải chịu 75.000đ . Tuy nhiên các đương sự thuộc diện hộ nghèo, căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vụ Quốc hội, HĐXX miễn toàn bộ án phí cho chị Lan A và anh T.

[7] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lan A tại phiên tòa, HĐXX thấy phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 51, điều 55, điều 58, 81,82,83 - Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1-Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn cho chị Trần Thị Lan A và anh Đỗ Anh T (Túc Nguyễn Văn T).

2-Về con chung:

- Cháu Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 01/02/2004 hiện đã thành niên, HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Giao chị Trần Thị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Hồng V, sinh ngày 20/10/2005 và cháu Đỗ Tuấn T, sinh ngày 05/3/2013 kể từ tháng 7/2023 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lan A không yêu cầu.

Chị Lan A, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị Lan A và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc anh T thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3-Về tài sản chung, công nợ: Chị Lan A và anh T không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

4- Về tài sản cho vay, công sức đóng góp: chị Lan A và anh T xác định không có và không yêu cầu, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

5-Về án phí LHST: Miễn toàn bộ án phí cho chị Trần Thị Lan A và anh Đỗ Anh T (Nguyễn Văn T).

6-Quyền kháng cáo: Chị Lan A có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã V;
- Lưu HS – VP.

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc

